

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN YÊN MINH
TỈNH HÀ GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2023/HNGĐ-ST
Ngày 30 tháng 01 năm 2023
V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN MINH, TỈNH HÀ GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Văn Đàng.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Đỗ Thị Ân;
- Ông Nguyễn Đình Bình.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lâm Thái Hùng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Minh, tỉnh Hà Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Minh, tỉnh Hà Giang tham gia phiên tòa: Ông Ma Phúc Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 01 năm 2023, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Yên Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 16/2022/TLST-HNGĐ, ngày 03/10/2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2022/QĐXXST-HNGĐ, ngày 23 tháng 12 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số: 02/2023/QĐST-DS, ngày 06/01/2023 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Mua Mí G; sinh năm: 1996; nghề nghiệp: Làm nương; dân tộc: Mông; địa chỉ nơi cư trú: Thôn S, xã S, huyện Y, tỉnh Hà Giang. Vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. *Bị đơn:* Chị Vàng Thị C; sinh năm: 1997; nghề nghiệp: Làm nương; dân tộc: Mông; địa chỉ nơi cư trú: Thôn S, xã S, huyện Y, tỉnh Hà Giang. Vắng mặt lần thứ 2 không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn ngày 08/7/2022, bản tự khai ngày 03/10/2022 và tại đơn xin xét xử vắng mặt ngày 27/01/2023, nguyên đơn anh Mua Mí G trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Năm 2016 anh G và chị Vàng Thị C, sinh năm 1997 cùng trú tại Thôn S, xã S, huyện Y, tỉnh Hà Giang chung sống với nhau như vợ chồng và có với nhau 01 con chung, đến ngày 01/6/2017 anh G và chị C tự nguyện

đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã S, huyện Y, tỉnh Hà Giang. Sau khi kết hôn vợ chồng tôi chung sống hạnh phúc do hoàn cảnh gia đình rất khó khăn về điều kiện kinh tế nên anh G phải đi làm xa để kiếm thêm thu nhập trang trải cuộc sống, thỉnh thoảng mới về thăm nhà. Trong thời gian này vợ chồng không xảy ra mâu thuẫn gì, chị C tự ý bỏ nhà đi từ ngày 03/10/2017. Anh G và gia đình hai bên đã tìm kiếm nhiều lần nhưng không có tin tức, không biết chị C đi đâu, làm gì. Từ khi chị C bỏ nhà đi anh G phải một mình nuôi con vất vả, cần ổn định cuộc sống nên đã làm đơn yêu cầu Tòa án tuyên bố chị C mất tích, ngày 17/02/2022 Tòa án đã ra Quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 01/2022/QĐST-VDS tuyên bố chị Vàng Thị C mất tích. Đến nay vẫn chưa có tin tức gì về chị C, bản thân anh G nhận thấy không còn tình cảm với chị C, xin Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị C.

- Về con chung: Anh G xác nhận, anh và chị C có một con chung là cháu Mua Thị M, sinh ngày 17/9/2016, sau khi ly hôn anh G là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, chị C không phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, công nợ chung: Vợ chồng tôi không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là chị Vàng Thị C đã bị Tòa án nhân dân huyện Yên Minh, tỉnh Hà Giang tuyên bố mất tích theo Quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự về việc tuyên bố một người mất tích số: 01/2022/QĐST-VDS ngày 17/10/2022. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thông báo, triệu tập hợp lệ đối với chị Vàng Thị C nhưng chị C không có mặt để tham gia tố tụng.

Tại biên bản xác minh ngày 09/11/2022 tại Ủy ban nhân dân xã S, huyện Y, tỉnh Hà Giang đã xác minh được chị Vàng Thị C, sinh năm 1997 có hộ khẩu tại thôn S, xã S, huyện Y, tỉnh Hà Giang nhưng từ ngày 03/10/2017 cho đến nay chị C tự ý bỏ đi khỏi địa phương nơi cư trú, nay không có tin tức gì về chị Vàng Thị C đang ở đâu, làm gì. Anh G và chị C có một con chung, hiện nay cháu đang ở cùng anh G. Công việc chính của anh G là làm nương (trồng trọt), mức thu nhập bình quân đầu người tại xã S là 19.600.000 đồng/người/năm.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Minh, tỉnh Hà Giang phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Tòa án thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định quan hệ tranh chấp; Trong quá trình điều tra thu thập chứng cứ Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc thu thập chứng cứ, tổng đạt đảm bảo quyền của đương sự. Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên Tòa và nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Bị đơn không chấp hành các quy định của pháp luật tố tụng, vi phạm nghĩa vụ tham gia tố tụng theo quy định tại Điều 70, Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 68 của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 56, Điều 81,

Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của anh Mua Mí G, cho anh Già được ly hôn chị Vàng Thị C. Về con chung: Giao cháu Mua Thị M, sinh ngày 17/9/2016 cho anh Mua Mí G là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu M đủ 18 tuổi, chị Vàng Thị C không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản, công nợ chung: Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét. Về án phí: Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho anh Mua Mí G.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ; ý kiến của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Minh, tỉnh Hà Giang.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền: Nguyên đơn anh Mua Mí G yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với chị Vàng Thị C, nơi cư trú cuối cùng tại Thôn S, xã S, huyện Y, tỉnh Hà Giang là tranh chấp hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Yên Minh, tỉnh Hà Giang theo quy định khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; nguyên đơn chấp hành đầy đủ các quyết định của Tòa án, tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt và giữ nguyên quan điểm giải quyết vụ án; bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt tại phiên Tòa, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn anh Mua Mí G và bị đơn chị Vàng Thị C.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Anh Mua Mí G và chị Vàng Thị C có đăng ký kết hôn trên cơ sở tự nguyện vào ngày 01/6/2017 tại Ủy ban nhân dân xã S, huyện Y, tỉnh Hà Giang nên hôn nhân giữa anh Mua Mí G và chị Vàng Thị C là hợp pháp.

[4] Bị đơn là chị Vàng Thị C đã bị Tòa án nhân dân huyện Yên Minh, tỉnh Hà Giang tuyên bố mất tích theo Quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự về việc tuyên bố một người mất tích số: 01/2022/QĐST-VDS ngày 17/02/2022.

[5] Về căn cứ cho ly hôn: Anh Mua Mí G là chồng của chị Vàng Thị Ch là người bị Tòa án tuyên bố mất tích xin ly hôn, nên yêu cầu ly hôn với chị C của anh G là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 68 của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình cần được chấp nhận.

[6] Về con chung: Anh Mua Mí G xác nhận anh và chị Vàng Thị C có một con chung là cháu Mua Thị M, sinh ngày 17/9/2016, ly hôn anh G có nguyện

vọng là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, chị C không phải cấp dưỡng nuôi con; Hội đồng xét xử xét thấy từ ngày 03/10/2017 chị C bỏ nhà đi đến nay cháu M vẫn trực tiếp sinh sống cùng bố là anh G, do đó việc giao cháu Mua Thị M cho anh G trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con theo nguyện vọng của anh G là phù hợp với thực tế, đúng quy định tại các Điều 81, Điều 82, Điều 83 Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình nên cần được chấp nhận.

[7] Về tài sản, công nợ chung: Anh Mua Mí G xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên Tòa về việc giải quyết toàn bộ vụ án là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[9] Về án phí: Chấp nhận đơn xin miễn án phí của anh Mua Mí Già ngày 22/4/2022 vì anh G là người dân tộc thiểu số (dân tộc Mông) sinh sống ở thôn S, xã S, huyện Y, tỉnh Hà Giang là nơi có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn nên miễn toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm cho anh Mua Mí G theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 15 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[11] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 68 của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 56, Điều 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 5 Điều 15 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh Mua Mí G.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho anh Mua Mí G được ly hôn với chị Vàng Thị C.

2. Về con chung: Giao cháu Mua Thị M, sinh ngày 17/9/2016 cho anh Mua Mí G là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu M đủ 18 tuổi, chị Vàng Thị C không phải cấp dưỡng nuôi con. Thời điểm giao con kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Việc nuôi con và không cấp dưỡng nuôi con là không cố định.

3. Về án phí: Miễn toàn bộ số tiền án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000^d (ba trăm nghìn đồng) cho anh Mua Mí G.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết. Thời hạn kháng nghị của Viện kiểm sát cùng cấp và cấp trên theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Giang;
- VKSND tỉnh Hà Giang;
- VKSND huyện Yên Minh;
- UBND xã S, huyện Y;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA**

Hoàng Văn Đạng